

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	ii
LỜI NÓI ĐẦU	iii
PHẦN 1 CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ.....	1
1.1 Các văn bản pháp luật:	1
1.2 Đánh giá việc ban hành các văn bản pháp luật về quản lý môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế:.....	4
1.2.1 Thuận lợi:	5
1.2.2 Hạn chế:.....	6
PHẦN 2 TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU KINH TẾ.....	7
2.1 Các khái niệm chung:	7
2.2 Đánh giá việc quản lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên đại bàn tỉnh Tây Ninh:	9
2.2.1 Thuận lợi:	9
2.2.2 Khó khăn	10
PHẦN 3 QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU NỐI, THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT KHU KINH TẾ	12
3.1 Quy định về đầu nối hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế:	12
3.2 Quy định về thu gom, xử lý nước thải trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế:	15
PHẦN 4 QUY ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU KINH TẾ.....	19

4.1 Quy định về dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế:.....	19
4.2 Quy định về quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước, hộ thoát nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế:	22
PHẦN 5 QUY ĐỊNH VỀ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU KINH TẾ.....	25
5.1 Quy định về thực hiện quan trắc nước thải bao gồm các nội dung sau:.....	25
5.2 Quy định về quan trắc nước thải tự động:	27
5.2.1 Đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động:.....	27
5.2.2 Tình hình lắp đặt hệ thống quan trắc tự động:	27
5.3 Quy định về quản lý nước thải và bùn thải sau xử lý nước thải....	28
Phụ lục: MẪU HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC	30

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
KCN	: Khu công nghiệp
KCX	: Khu chế xuất
KKT	: Khu kinh tế
KCNC	: Khu công nghệ cao
XLNT	: Xử lý nước thải
COD	: Nhu cầu oxy hóa học

LỜI NÓI ĐẦU

Thời gian qua, việc hình thành các KCN, KCX, KKT trên địa bàn các tỉnh đã tạo động lực lớn cho phát triển công nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Phát triển các KCN, KCX, KKT đã đạt được mục tiêu tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng, tập trung các nguồn phát thải ô nhiễm vào các khu vực nhất định, nâng cao hiệu quả sản xuất, hiệu quả quản lý nguồn thải và BVMT. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực, quá trình phát triển các KCN, KCX, KKT đang phải đối mặt với nhiều thách thức về ô nhiễm môi trường do chất thải, nước thải, khí thải công nghiệp. Trong đó, nước thải thường là nguồn thải được quan tâm nhất do chúng thường có lưu lượng lớn, nồng độ các chất ô nhiễm cao, thành phần ô nhiễm khó xử lý hoặc chi phí xử lý tốn kém và tạo nên khối lượng lớn sản phẩm phụ “ngoài ý muốn”.

Trong điều kiện công tác BVMT ngày càng được quan tâm, công tác thi hành Luật Bảo vệ môi trường và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường ngày càng được siết chặt, việc quản lý môi trường nước, phòng chống ô nhiễm môi trường nước có ý nghĩa rất quan trọng.

Nhằm hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp thực hiện tốt công tác quản lý nước thải góp phần BVMT, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh đã xây dựng ***“Sổ tay hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”***. Tài liệu hướng dẫn bao gồm 05 (năm) phần như sau:

Phần 1: Cơ sở pháp lý về quản lý nước thải trong KCN, KCX, KKT.

Phần 2: Tổng quan về quản lý nước thải trong KCN, KCX, KKT.

Phần 3: Quy định về đấu nối, thu gom, xử lý nước thải trong KCN, KCX, KKT.

Phần 4: Quy định về dịch vụ thoát nước trong KCN, KCX, KKT.

Phần 5: Quy định về quan trắc nước thải trong KCN, KCX, KKT.

“Sổ tay hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh” được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh biên soạn với mục đích hướng dẫn, giới thiệu cho các lãnh đạo, cán bộ quản lý môi trường tại doanh nghiệp nắm bắt các quy định, thông tin về quản lý môi trường nước thải, giúp các doanh nghiệp quản lý môi trường nước ngày một tốt hơn.

 Sổ tay hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Trong quá trình biên soạn sẽ không tránh được các thiếu sót, rất mong nhận được đóng góp ý kiến từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Mọi ý kiến đóng góp, xây dựng tài liệu xin gửi về:

Phòng Quản lý Xây dựng Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ : Đường Lạc Long Quân, khu phố 5, phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
Điện thoại : (066) 3 812 705
Email : phongxdtgmt.bqlkkt@gmail.com

PHẦN 1

CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ

1.1 Các văn bản pháp luật:

S T T	Số văn bản	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành	Nội dung	Tóm tắt nội dung quy định quản lý nước thải
1	Luật Bảo vệ môi trường 55/2014/ QH13	Quốc hội	23/06/2014 Hiệu lực từ 01/01/2015	Luật Bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về hoạt động BVMT; chính sách, biện pháp và nguồn lực để BVMT; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong BVMT, trong đó việc BVMT KKT; KCN; KCX; KCNC; cụm công nghiệp và khu kinh doanh, dịch vụ tập trung được quy định cụ thể tại Điều 65, Điều 66 và Điều 67.
2	Nghị định 38/2015/ NĐ-CP	Chính phủ	24/04/2015 Hiệu lực từ 15/06/2015	Quản lý chất thải và phế liệu	Quy định về quản lý chất thải bao gồm chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công

 Sổ tay Hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

					nghiệp thông thường, sản phẩm thải lỏng, nước thải, khí thải công nghiệp và các chất thải đặc thù khác; BVMT trong nhập khẩu phế liệu, <i>trong đó các quy định về quản lý nước thải tham khảo từ Điều 36 đến Điều 40.</i>
3	Nghị định số 80/2014/NĐ-CP	Chính phủ	06/08/2014 Hiệu lực từ 01/01/2015	Thoát nước và xử lý nước thải	Quy định về hoạt động về hoạt động thoát nước và XLNT tại các đô thị, các KCN, KKT, KCX, KCNC, khu dân cư nông thôn tập trung; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và XLNT trên lãnh thổ Việt Nam. <i>Tham khảo: Những quy định chung về thoát nước và XLNT từ Điều 2 đến Điều 6; Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước từ Điều 17 đến Điều 25; Các quy định về đầu nối hệ thống thoát nước từ Điều 30 đến Điều 35; Các quy định về giá dịch vụ thoát nước từ Điều 36 đến Điều 44.</i>

 Sổ tay Hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

4	Thông tư số 02/2015/TT-BXD	Bộ Xây dựng	02/04/2015 Hiệu lực từ 19/05/2015	Hướng dẫn thi hành phương pháp định giá dịch vụ thoát nước	Quy định phương pháp định giá dịch vụ thoát nước, XLNT để làm cơ sở lập, phê duyệt phương án giá và quyết định giá dịch vụ thoát nước tại các đô thị, KCN, KCX, KKT.
5	Thông tư số 04/2015/TT-BXD	Bộ Xây dựng	03/04/2015 Hiệu lực từ 19/05/2015	Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP	Quy định việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước được quy định tại Điều 2 và quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý được quy định tại Điều 4, ngoài ra Thông tư còn quy định về mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước
6	Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	30/06/2015 Hiệu lực từ 17/08/2015	Bảo vệ môi trường KKT, KCN, KCX, KCNC	Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. Tham khảo: <i>Quy định về bảo vệ môi trường KKT tại Khoản 2 Điều 5; Quy định về bảo vệ môi trường KCN tại Điều 8, Điều 9.</i>

 Sổ tay Hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

7	QCVN 39:2011/BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu.
8	QCVN 40:2011/BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
9	QCVN 50:2013/BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.
10	QCVN 01-MT:2015/BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên.
11	QCVN 12-MT:2015/BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy.
12	QCVN 13-MT:2015/BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

1.2 Đánh giá việc ban hành các văn bản pháp luật về quản lý môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế:

1.2.1 Thuận lợi:

Cùng với quá trình phát triển nhanh của các KCN, KKT trong cả nước, công tác quản lý môi trường các KCN, KKT ở cấp Trung ương và địa phương đang được kiện toàn, từng bước đưa công tác BVMT tại các KCN, KKT đi vào nề nếp. Hành lang pháp lý đã và đang từng bước được tạo lập và hoàn thiện để quản lý môi trường KCN, KKT ngày một tốt hơn. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đều đã có những quy định liên quan đến BVMT KCN, KCX, KKT tại các Điều 65, Điều 66, Điều 67. Chính phủ đã quan tâm xây dựng hệ thống văn bản pháp luật về quản lý KCN, KKT nói chung và quản lý môi trường KCN, KCX, KKT nói riêng, trong đó việc ban hành *Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải*, đã góp phần nâng cao công tác quản lý nước thải tại KCN. Ngoài ra, các Bộ, Ngành cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các nội dung BVMT liên quan đến KCN. Trong đó có *Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao*. Trên cơ sở các văn bản pháp luật đã ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm hơn đến công tác BVMT KCN, KCX, KKT, đã ban hành các quy chế, chỉ thị

và quy định về BVMT trên địa bàn, trong đó có đề cập đến các nội dung BVMT KCN, KCX, KKT.

Nhìn chung, hệ thống văn bản pháp luật từ Trung ương đến địa phương về BVMT KCN, KCX, KKT đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện nhằm tăng cường công tác BVMT đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trong KCN, KCX, KKT.

1.2.2 Hạn chế:

Bên cạnh đó, việc ban hành văn bản pháp luật cũng như những hướng dẫn thi hành pháp luật còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý môi trường KCN, KCX, KKT trong thực tế. Với tình hình phát triển và tăng trưởng nhanh ở các KCN, KCX, KKT như hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật vẫn thiếu những quy định đặc thù về BVMT KCN, KCX, KKT ở cả cấp Trung ương và địa phương.

PHẦN 2

TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU KINH TẾ

2.1 Các khái niệm chung:

STT	TÊN KHÁI NIỆM	NỘI DUNG
1	Nước thải	Là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường
2	Nước thải sinh hoạt	Là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân.
3	Nước thải khác	Là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.
4	Dịch vụ thoát nước và XLNT (gọi tắt là dịch vụ thoát nước)	Là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và XLNT theo các quy định của pháp luật.
5	Giá dịch vụ thoát nước và XLNT (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước)	Là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng, tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý cho một mét khối nước thải ($1m^3$) để thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và XLNT.
6	Đơn vị thoát nước	Là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.

		<i>Ghi chú: trên địa bàn các KCN, KCX thì đơn vị thoát nước là Công ty kinh doanh, xây dựng hạ tầng của KCN.</i>
7	Hệ thoát nước	Là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, nước ngoài sinh sống và hoạt động trong KCN, KKT xả nước thải vào hệ thống thoát nước. <i>Ghi chú: Trên địa bàn các KCN, KCX thì hộ thoát nước là các doanh nghiệp.</i>
8	Hệ thống thoát nước	Gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình XLNT và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và XLNT. Hệ thống thoát nước được chia làm hệ thống thoát nước chung, hệ thống thoát nước riêng và hệ thống thoát nước nửa riêng.
9	Hệ thống thoát nước chung	Là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống.
10	Hệ thống thoát nước riêng	Là hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
11	Hệ thống thoát nước mưa	Bao gồm mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, các trạm bơm nước mưa, cửa thu, giếng thu nước mưa, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom và tiêu thoát nước mưa.
12	Hệ thống thoát nước thải	Bao gồm mạng lưới cống, giếng tách dòng, đường ống thu gom và chuyển tải nước thải,

		trạm bơm nước thải, nhà máy XLNT, cửa xả,... và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát và XLNT.
13	Điểm đầu nối	Là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.
14	Điểm xả	Là nơi xả nước từ hệ thống thoát nước ra nguồn tiếp nhận.
15	Lưu vực thoát nước	Là một khu vực nhất định mà nước mưa hoặc nước thải được thu gom vào mạng lưới thoát nước chuyển tải về nhà máy XLNT hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.
16	Nguồn tiếp nhận	Là các nguồn nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ như sông suối, kênh rạch, ao hồ, đầm phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất.
17	Bùn thải	Là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được nạo vét, thu gom từ các bể tự hoại, mạng lưới thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, kênh mương, cửa thu, giếng thu nước mưa, trạm bơm nước mưa, nước thải, cửa xả và nhà máy XLNT.

2.2 Đánh giá việc quản lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh:

2.2.1 Thuận lợi:

Trong thời gian qua được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, nhìn chung công tác BVMT tại KCN, KCX, KKT từng bước được cải thiện, nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN đều

được thu gom và xử lý đạt quy quy chuẩn quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN; nước thải thải ra từ các KCN đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường bên ngoài, đảm bảo 100% KCN đi vào hoạt động đều có hệ thống XLNT tập trung. Công tác thanh kiểm tra hằng năm góp phần nâng cao trách nhiệm công tác BVMT tại cơ sở, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm công tác BVMT. Nâng cao ý thức về công tác BVMT thông qua các tài liệu tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về BVMT. Ý thức của doanh nghiệp ngày càng được nâng cao trong công tác BVMT.

Trong năm 2015, với nhiệm vụ được giao Ban Quản lý Khu kinh tế đã chủ động đôn đốc các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN lắp đặt hệ thống quan trắc tự động tại 04/05 KCN đang hoạt động (KCN Trảng Bàng, KCX & CN Linh Trung 3, KCN Thành Thành Công, KCN Phước Đông) và 01 doanh nghiệp (Công ty CP dệt Trần Hiệp Thành) truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh, Ban Quản lý Khu kinh tế để theo dõi, điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và kiểm soát nước thải tại KCN.

2.2.2 Khó khăn

Việc đầu tư xây dựng các Nhà máy XLNT tập trung tại KCN theo từng module chưa đáp ứng được tiến độ lấp đầy KCN, dẫn đến tình

trạng quá tải các Nhà máy XLNT tập trung KCN. Trong thời gian qua, các KCN thu hút các dự án lớn và có lưu lượng nước xả thải lớn, nhưng khả năng tiếp nhận nước thải của Nhà máy XLNT tập trung đã quá tải. Do đó, Chủ đầu tư thứ cấp trong KCN xây dựng Trạm XLNT cục bộ, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=0,9$ trước khi thải vào Hồ sinh thái, dẫn đến công tác quản lý xả thải tại KCN gặp nhiều khó khăn, không rõ đầu mối để quy trách nhiệm.

PHẦN 3

QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU NỔI, THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ

3.1 Quy định về đấu nối hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế bao gồm các nội dung sau:

Nội dung quy định	Công việc phải thực hiện	Căn cứ pháp lý
Thỏa thuận đấu nối	Là văn bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đấu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối.	Điều 35 Nghị định 80/2014/NĐ-CP
Thời điểm đấu nối	Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi KCN, KCX, KKT có mạng lưới đường ống thu gom nước mưa, nước thải là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước, trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối. Thời hạn bắt buộc phải đăng ký đấu nối là trong giai đoạn triển khai xây dựng.	Khoản 2 Điều 30 Nghị định 80/2014/NĐ-CP
Các trường hợp miễn trừ đấu nối	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có biện pháp XLNT đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, đồng thời việc đấu nối vào hệ thống thu gom, XLNT tập trung KCN tạo chi phí bất hợp lý cho cơ sở. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải vượt quá khả năng tiếp nhận, xử lý của hệ thống XLNT tập trung	Khoản 4 Điều 9 Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015

	KCN, đồng thời cơ sở có biện pháp XLNT đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	
Hồ sơ đề nghị miễn trừ đầu nối	Đối với các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b, chủ cơ sở thống nhất với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN về giải pháp báo cáo theo quy định, báo cáo bao gồm: - Văn bản đề nghị và báo cáo giải pháp tách đầu nối để tự XLNT của cơ sở trong KCN theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 (kèm theo kết quả quan trắc nước thải định kỳ mới nhất); - Biên bản thỏa thuận tách đầu nối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN.	Điều 9 Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015
Trình tự thủ tục đầu nối nước thải	Bước 1: Đơn vị thoát nước thông báo kế hoạch đầu nối nước thải tới các hộ thoát nước trong KCN, KCX, KKT hoặc các cụm công nghiệp có nhu cầu đầu nối đăng ký tại đơn vị thoát nước. Hộ thoát nước thực hiện việc tách riêng triệt để hệ thống thoát nước mưa và thu gom nước thải trong mặt bằng nhà máy mình. Bước 2: Đơn vị thoát nước khảo sát, lập hồ sơ thiết kế hệ thống đầu nối nước thải trong phạm vi phần đất công; trên phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ thoát nước thì hộ thoát nước tự tổ chức thiết kế, trường hợp hộ thoát nước có yêu cầu đơn vị thoát	Nghị định 80/2014/NĐ-CP

	nước lập hồ sơ thiết kế đấu nối thì phải thỏa thuận chi phí thiết kế với đơn vị thoát nước. Bước 3: Đơn vị thoát nước và hộ thoát nước ký hợp đồng dịch vụ đấu nối thoát nước thải. Bước 4: Hộ thoát nước có trách nhiệm tổ chức thi công lắp đặt đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của hộ thoát nước theo đúng các quy định.	
Quy định về xả nước thải tại điểm đấu nối	Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống XLNT cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đấu nối và theo các quy định về đấu nối và thỏa thuận đấu nối.	Điều 32 Nghị định 80/2014/NĐ-CP

 Sổ tay Hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

3.2 Quy định về thu gom, xử lý nước thải trong khu công nghiệp, khu kinh tế bao gồm các nội dung sau:

Giai đoạn/thời điểm	Công việc phải thực hiện	Căn cứ pháp lý
I. Đối với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCX, KCN, KCN		
Giai đoạn xây dựng	Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa.	Điều 8, 9 Thông tư 35/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015
	Hệ thống thu gom, thoát nước thải phải có vị trí, cốt hố ga phù hợp để đấu nối với điểm xả nước thải của các cơ sở và bảo đảm khả năng thoát nước thải của KCN; vị trí đấu nối nước thải nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước KCN và đặt bên ngoài phần đất của các cơ sở.	
	Điểm xả thải của hệ thống XLNT tập trung KCN tại nguồn tiếp nhận phải bố trí bên ngoài hàng rào KCN, có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là một (01) m ² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.	
	Có thể chia thành nhiều đơn nguyên (mô-đun) phù hợp với tiến độ lấp đầy và hoạt động của KCN nhưng phải bảo đảm xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào; có công tơ điện độc lập; khuyến khích việc áp dụng	

	công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng. Hệ thống XLNT phải được lắp đồng hồ đo điện độc lập. Việc xây dựng hệ thống thoát nước, XLNT tập trung, hệ thống thoát nước mưa của KCN phải hoàn thành trước khi KCN đi vào hoạt động.	
Giai đoạn hoạt động	Có hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số: lưu lượng nước thải đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, TSS và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của KCN trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hệ thống quan trắc tự động phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật kết nối để truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Tài nguyên & Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế. Từng đơn nguyên (mô-đun) hoặc nhà máy XLNT tập trung phải vận hành thường xuyên theo quy trình công nghệ đã được phê duyệt, bảo đảm xử lý toàn bộ nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, lưu giữ để phục vụ cho công tác kiểm tra, thanh tra. Nhật ký vận hành bảo đảm gồm các nội dung: lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải. Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào,	Điều 8, 9 Thông tư 35/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015

	thiết bị quan trắc tự động duy trì hoạt động 24/24 giờ và truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Tài nguyên & Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế.	
	Có ít nhất ba (03) người quản lý vận hành nhà máy XLNT tập trung, trong đó cán bộ phụ trách phải có trình độ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành công nghệ môi trường, công nghệ hóa học, công nghệ sinh học, kỹ thuật điện hoặc kỹ thuật cấp, thoát nước.	
II. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KCX, KCN		
Giai đoạn xây dựng	Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa	Điều 8, 9 Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015
	Việc xây dựng hệ thống thoát nước thải, hệ thống thoát nước mưa và hệ thống XLNT phải hoàn thành trước khi đi vào hoạt động.	
	Phải ký văn bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đầu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối, thời điểm đầu nối, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối.	
Giai đoạn vận hành	Phải có hệ thống XLNT bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	Khoản 2 Điều 16 Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015
	Nước thải phải được xử lý theo điều kiện	Điều 8, 9

 Sổ tay Hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

	ghi trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN để tiếp tục xử lý tại nhà máy XLNT tập trung bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.	Thông tư 35/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015
	Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phải có hợp đồng XLNT với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành.	
	Tổ chức quan trắc nước thải và kê khai nộp phí BVMT đối với nước thải theo quy định của pháp luật.	Khoản 2 Điều 16 Thông tư 35/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015

PHẦN 4

QUY ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU KINH TẾ

4.1 Quy định về dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế bao gồm các nội dung sau:

Nội dung quy định	Công việc phải thực hiện	Căn cứ pháp lý
Hợp đồng dịch vụ thoát nước	Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước. <i>(Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước Phụ lục 1)</i>	Điều 27 Nghị định 80/2014/NĐ-CP
Giá dịch vụ thoát nước	Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng KCN thỏa thuận với các chủ đầu tư trong KCN và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và cơ quan quản lý giá tại địa phương.	Khoản 3 Điều 41 Nghị định 80/2014/NĐ-CP
Xác định khối lượng nước thải	Đối với nước thải sinh hoạt: - Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; - Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập	Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP

	trung, khối lượng nước thải được xác định căn cứ theo lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người tại địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Đối với các loại nước thải khác: - Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; - Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.	
Xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải	Hàm lượng chất gây ô nhiễm đối với nước thải khác (không phải là nước thải sinh hoạt) được xác định theo chỉ tiêu COD trung bình của từng loại nước thải, căn cứ theo tính chất sử dụng hoặc loại hình hoạt động phát sinh ra nước thải hoặc theo từng đối tượng riêng biệt. Hàm lượng COD được xác định căn cứ theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm hợp chuẩn. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm xác định hàm lượng COD của nước thải làm căn cứ xác định giá dịch vụ thoát nước, định kỳ 06	Điều 40 Nghị định 80/2014/NĐ-CP

	tháng kiểm tra hoặc kiểm tra đột xuất để xác định hàm lượng COD này khi cần thiết. Trường hợp, hộ thoát nước không chấp thuận chỉ số hàm lượng COD theo cách tính của đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước, hộ thoát nước có quyền hợp đồng với một phòng thí nghiệm khác thực hiện việc lấy mẫu, xác định chỉ số COD làm đối chứng; chi phí cho việc lấy mẫu, phân tích do hộ thoát nước chi trả.	
Ngừng dịch vụ thoát nước	Đối với các hộ thoát nước trong KCN, KKT vi phạm các quy định về thoát nước, đơn vị thoát nước thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước thực hiện việc ngừng dịch vụ thoát nước theo các điều, khoản được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật có liên quan. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.	Điều 28 Nghị định 80/2014/NĐ-CP

4.2 Quy định về quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước, hộ thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế bao gồm các nội dung sau:

Chủ thể	Quyền hạn	Trách nhiệm	Căn cứ pháp lý
Đơn vị thoát nước (Công ty kinh doanh, xây dựng hạ tầng của KCN)	- Ký hợp đồng dịch vụ với hộ thoát nước và thực hiện mọi hoạt động theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết; - Thu tiền dịch vụ thoát nước và XLNT; - Được đề nghị với các cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và XLNT; - Được đề xuất các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước và XLNT; - Báo cáo với các cơ quan hữu quan có	- Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, XLNT cho các hộ thoát nước cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký; - Quản lý tài sản, hồ sơ tài sản, thiết lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và XLNT được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; - Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước và XLNT, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận; sửa chữa kịp thời các trục trặc, hư hỏng; - Bồi thường thiệt hại gây ra cho hộ thoát nước theo thỏa	Nghị định 80/2014/NĐ-CP

	thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng thiệt hại tới hoạt động thoát nước và XLNT;	thuận ghi trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và XLNT; - Kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ hộ thoát nước ra tới hố ga, kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình.	
Hộ thoát nước (các doanh nghiệp trong KCN)	- Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật; - Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra; - Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước; - Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo hợp đồng dịch vụ thoát nước; - Có quyền khác theo quy định của pháp luật.	- Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn; - Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; - Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước; - Đầu nối hệ thống thoát nước của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thải, duy tu, bảo dưỡng công trình xử lý sơ bộ và đường ống thoát nước trong phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ thoát nước đến điểm đầu nối theo đúng quy định của hợp đồng dịch vụ thoát	Nghị định 80/2014/ND-CP

 Sổ tay Hướng dẫn quản lý nước thải dành cho các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

		nước; - Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật; - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	
--	--	---	--

PHẦN 5

QUY ĐỊNH VỀ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU KINH TẾ

5.1 Quy định về thực hiện quan trắc nước thải bao gồm các nội dung sau:

Nội dung	Công việc phải thực hiện
Nguyên tắc quan trắc việc xả nước thải	Hoạt động xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào KCN phải được quan trắc định kỳ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, kế hoạch BVMT đã được xác nhận hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương theo quy định của pháp luật.
Các bước thực hiện tự quan trắc nước thải	Bước 1: Xác định mục tiêu quan trắc Khi thiết kế chương trình quan trắc cần phải xác định mục tiêu rõ ràng. Một chương trình quan trắc có thể nhằm nhiều mục tiêu, thông thường là: - Tính phí BVMT đối với nước thải; - Tự kiểm soát ô nhiễm nước thải;
	Bước 2: Xác định vị trí quan trắc Yêu cầu đối với mẫu nước thải là phải đại diện cho dòng thải cần quan trắc trước khi thải ra môi trường, vì vậy phải thỏa mãn được các yêu cầu sau: - Cuối dòng thải trước khi thải ra môi trường. - Tại đó nước thải được hòa trộn hoàn toàn, độ đồng nhất cao. - Dễ tiếp cận dòng thải để thực hiện lấy mẫu và đo lưu lượng. - Phải an toàn cho người thực hiện.

Bước 3: Xác định các thông số quan trắc

Thông số quan trắc tùy thuộc vào mục tiêu quan trắc:

- Để tính phí thoát nước, XLNT, các thông số cần quan trắc là nhu cầu ô xy hóa học (COD).
- Để tự kiểm soát ô nhiễm nước thải, các thông số cần quan trắc tuân theo chương trình quan trắc trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết BVMT, đề án BVMT đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 4: Xác định tần suất quan trắc và thời điểm quan trắc

- Để tính phí thoát nước, xử lý nước thải, tần suất quan trắc tối thiểu là 6 lần/tháng vào những thời điểm hoạt động sản xuất diễn ra bình thường.
- Để tự kiểm soát ô nhiễm nước thải, tần suất quan trắc tuân theo chương trình quan trắc trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết BVMT, đề án BVMT đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 5: Lập báo cáo quan trắc

Báo cáo quan trắc nước thải có thể trình bày riêng hoặc kết hợp chung trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

Bước 6: Lưu giữ hồ sơ và quản lý số liệu

Báo cáo quan trắc cũng như các số liệu quan trắc là những thông tin của doanh nghiệp, phải được quản lý, lưu trữ như các số liệu sản xuất của doanh nghiệp.

5.2 Quy định về quan trắc nước thải tự động:

5.2.1 Đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động:

Các KCN phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có quy mô xả thải trên 1.000 m³/ngày đêm (không bao gồm nước làm mát) và có nguy cơ tác hại đến môi trường lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục.

5.2.2 Tình hình lắp đặt hệ thống quan trắc tự động:

Trên địa bàn tỉnh, có 5 KCN đi vào hoạt động và đều có nhà máy XLNT tập trung, có 4/5 KCN đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và kết nối dữ liệu về Ban quản lý Kinh tế tỉnh Tây Ninh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.



5.3 Quy định về quản lý nước thải và bùn thải sau xử lý nước thải

Nước thải sau xử lý phải được thu gom cho mục đích tái sử dụng hoặc xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

Việc tái sử dụng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng.

Quy định ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được xác định theo Quy chuẩn 50:2013/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Bùn thải từ hệ thống XLNT được quản lý như sau:

- Bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;
- Bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Phụ lục

MẪU HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

(Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Số...../.....

Hộ thoát nước:

.....
.....
.....
.....

Địa chỉ:

.....
.....

Mã số khách hàng

--	--	--	--	--	--	--

Giữa (Đơn vị thoát nước) Và (Hộ thoát nước)

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 18/6/2014;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 21/06/2012;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 12, thông qua ngày 17/06/2009;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và XLNT;
- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng

hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và XLNT.

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

PHẦN II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

Bên A: Tên đơn vị thoát nước

- Tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số tài khoản: Tại:
- Mã số thuế:

Bên B: Tên Hộ thoát nước

- Tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số tài khoản: Tại:
- Mã số thuế:

Phần III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A và bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Điểm đầu nối

Quy định vị trí, cao độ, quy cách các điểm đầu nối thoát nước mưa và nước thải.

Điều 2. Khối lượng nước thải

.....
.....

Điều 3. Chất lượng nước thải⁽¹⁾:

Điều 4. Chất lượng dịch vụ⁽²⁾:

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:.....

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B⁽³⁾:

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán

- Giá dịch vụ thoát nước là đồng/tháng.
- Giá dịch vụ này sẽ được thay đổi khi có quyết định điều chỉnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Phương thức thanh toán:

Điều 9. Sửa đổi hợp đồng

Các trường hợp sửa đổi hợp đồng:.....

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng(4):

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng(5):

Điều 10. Các thỏa thuận khác (nếu có)

Điều 11. Điều khoản chung

Quy định hiệu lực của hợp đồng và các phụ lục hợp đồng. Các cam kết thực hiện hợp đồng.

Các tài liệu đính kèm:

ĐƠN VỊ THOÁT NƯỚC

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

HỘ THOÁT NƯỚC

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Các quy định chất lượng nước thải trong trường hợp XLNT tập trung và phi tập trung:

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm nước thải xả vào hệ thống thoát nước

đô thị;

- Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

(2) Quy định điều kiện chất lượng dịch vụ cung cấp theo tiêu chuẩn và các thỏa thuận riêng (nếu có).

(3) Căn cứ theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và XLNT.

(4) Quy định các trường hợp chấm dứt hợp đồng, giải quyết những vướng mắc của hai bên khi chấm dứt hợp đồng.

(5) Quy định giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng theo các quy định của Nghị định và pháp luật có liên quan.